

## HƯỚNG TỚI MỘT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM TIẾNG ANH DỰA TRÊN CÁC ĐỀ ÁN HỌC TẬP TRONG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ỨNG DỤNG NGHỀ NGHIỆP

Phan Thanh Hải\*

*Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Cách tiếp cận POHE (Profession Oriented Higher Education) trong đào tạo bậc đại học nhấn mạnh thực hành ứng dụng, học thông qua làm và định hướng thực tập nghề nghiệp rõ rệt. Đề án học tập trong giáo dục đại học là kỹ thuật phát triển chương trình đào tạo nhằm đặt sinh viên vào trong các tình huống nghề nghiệp thực tiễn để thông qua đó họ khám phá tri thức, phát triển kỹ năng và hình thành thái độ phù hợp đối với thực tiễn nghề nghiệp tương lai của mình. Một chương trình chủ yếu dựa trên các đề án học tập quy mô vừa và lớn là một chương trình tốt để đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh theo định hướng POHE. Tuy nhiên, điều kiện hiện tại ở một số trường đại học Việt Nam cần một số thay đổi để có thể triển khai được một chương trình như thế. Bài viết sẽ trình bày các phân tích lý thuyết cũng dẫn chứng thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên như một góc nhìn về khả năng phát triển cũng như những khuyến nghị cụ thể về điều kiện thực hiện loại chương trình đào tạo này.

**Từ khóa:** POHE; Đề án học tập; Chương trình đào tạo; Sư phạm tiếng Anh; Việt Nam.

### GIỚI THIỆU

Cách đây chưa lâu, người ta vẫn nhìn nhận công tác đào tạo giáo viên tiếng Anh là còn rất yếu kém: nhiều sinh viên ra trường bị gọi là “câm”, “điếc” tiếng Anh [1], [2]; chưa làm việc được ngay theo yêu cầu của vị trí công việc. Năng lực phát triển nghề nghiệp dường như bị bỏ ngỏ: một số thống kê gần đây cho thấy nhiều giáo viên tiếng Anh vẫn chưa đạt chuẩn [3].

Gần đây Bộ GD&ĐT đưa ra chuẩn năng lực sử dụng tiếng Anh (CNL SDTA) đối với Cử nhân Sư phạm tiếng Anh, nhưng bằng cách nào để sinh viên tốt nghiệp đạt CNL SDTA tương đương với bậc 5 trong khung năng lực sử dụng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNL SDNN Việt Nam), nhất là khi đầu vào yếu kém, thì dường như các trường vẫn cứ loay hoay. Bên cạnh đó, việc hình thành thái độ phù hợp - một trong ba hợp phần đầu ra của các chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh ngày càng được nhìn nhận có tầm quan trọng lớn hơn đối với sự phát triển nghề nghiệp - là rất khó và dường như cũng chưa có giải pháp thỏa đáng trong các chương trình đào tạo.

Cách tiếp cận chương trình theo định hướng thực hành ứng dụng nghề nghiệp (gọi tắt là POHE, theo tên tiếng Anh của cách tiếp cận này) nhằm bảo đảm sinh viên ra trường làm việc được ngay. POHE nhấn mạnh thực hành trong quá trình đào tạo, thúc đẩy thực tập nghề nghiệp sớm và nhiều, sử dụng phương pháp dạy học dựa trên dự án, theo triết lý học thông qua làm, học qua trải nghiệm.

Tuy nhiên, vẫn có những điểm yếu bộc lộ trong thực tế thực hiện: Thái độ của người học vẫn chưa được hình thành tốt như mong đợi, dạy học dựa trên dự án vẫn chưa vận dụng triệt để tinh thần của phương pháp này, phần thực hành thực tập ở thực địa của sinh viên chưa được tăng cường đủ nhiều và chưa đạt chất lượng cao.

Bài báo đề xuất mô hình Chương trình chủ yếu dựa trên đề án học tập quy mô vừa và lớn (gọi tắt là Chương trình đề xuất) như một chương trình tốt để đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh, đáp ứng tầm nhìn phát triển cho tương lai với những xu hướng đang nổi hiện nay.

Trong phần tiếp theo của bài báo, tác giả phân tích những yêu cầu mới cùng những hạn chế của mô hình hiện tại. Kế đến, tác giả trình bày những điểm mạnh của mô hình mới. Cuối cùng, tác giả nhận định một số khó khăn có thể gặp phải để đưa ra những khuyến nghị

\* Tel: 0904977678; Email: haiknn@gmail.com

thay đổi về phía nhà trường và các cấp quản lý cao hơn.

## NỘI DUNG

**Những yêu cầu mới đối với đào tạo giáo viên tiếng Anh**

**- Yêu cầu về năng lực đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.** Theo một khảo sát được công bố năm 2011: 42% cử nhân ra trường ở Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng [1].

Cử nhân ngoại ngữ, như một bài báo đăng trên báo điện tử dantri.vn ngày 15/05/2006, phản ánh: 50% không thể giao tiếp nói bằng ngoại ngữ, 40% không thể nghe hiểu bằng ngoại ngữ [2]. Một thống kê của Bộ GD&ĐT dẫn trên báo Lao động ngày 28/02/2016: 50% giáo viên tiếng Anh tiếng học, 63,29% bậc THCS và 73,88% cấp THPT chưa đạt chuẩn [3].

**- Yêu cầu về phân tầng hệ thống trường đại học.** Chính phủ chủ trương phân tầng các trường trong hệ thống đại học Việt Nam: đến năm 2020 chỉ một số ít trường theo định hướng nghiên cứu, trong khi 70 - 80% tổng số sinh viên sẽ theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng. Các trường đại học sư phạm được cho là sẽ theo định hướng thực hành ứng dụng. [4], [5]

**- Yêu cầu về đặc tính thực hành ứng dụng cao trong các chương trình POHE.** Hiện nay, các Chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) đều đã được chuyển đổi theo định hướng POHE. Chương trình POHE đòi hỏi ít nhất 50% thời lượng đào tạo là các hoạt động có tính thực hành ứng dụng. Mối quan hệ với công giới được chú trọng phát triển mạnh hướng tới tạo điều kiện để sinh viên thực hành, thực tập tại thực địa nhiều và sớm [6].

**- Yêu cầu về năng lực nghề nghiệp cao hơn nhiều đối với cử nhân sư phạm.** Sinh viên sư phạm khi ra trường cần phải trở thành các "chuyên gia giáo dục" chứ không chỉ đơn thuần là "người dạy" [7], nghĩa là cần hiểu rõ triết lý giáo dục và những vấn đề thuộc về lí luận để có thể làm tốt công tác giáo dục. Đòi hỏi đặt ra là sinh viên sư phạm phải có được thay đổi lớn về tư duy, phát triển thói quen tự

học/nghiên cứu, có thái độ đúng đắn, lòng say mê đối với nghề và năng lực tự bồi dưỡng để phát triển nghề nghiệp.

**- Yêu cầu về đầu ra (năng lực sử dụng tiếng Anh) cho chương trình đào tạo Cử nhân sư phạm tiếng Anh.** Sinh viên tốt nghiệp ngành Cử nhân sư phạm tiếng Anh cần đạt CNL SDTA tương đương bậc 5 trong KNL SDNN Việt Nam [8]. Trong bối cảnh thực tế tuyển sinh đầu vào, sinh viên của Đại học Thái Nguyên nói chung có xuất phát điểm thấp về năng lực sử dụng tiếng Anh thì để đạt được chuẩn đầu ra như vậy đòi hỏi một cách tiếp cận học tập rèn luyện khác trước nhiều.

**Những hạn chế của Chương trình đào tạo tiếng Anh hiện tại**

Trong mô hình hiện hành, các sinh viên chủ yếu được theo các học phần/môn học (gọi chung là môn học). Bên cạnh ba học phần thực hành sư phạm và hai học phần thực tập sư phạm, có tới 40-44 môn học.

Thời lượng thực hành (gồm thảo luận, seminar, thực hành, bài tập, đề án, thực tế chuyên môn) trong các môn học theo quy chế đào tạo chiếm ít nhất 50% thời lượng, và cần phải hai (02) giờ thực hành mới quy chuẩn được thành 1 giờ chuẩn. (Ví dụ một môn học có thời lượng 45 giờ học chuẩn sẽ được thực hiện trong ít nhất là 68 giờ học nói chung). Với mỗi môn học lại có thể có 1-2 hoạt động đề án học tập hoặc tương tự, các sinh viên phải tiêu tốn nhiều thời gian tham gia nhiều nhóm học tập. Điều này tiềm ẩn xung đột đáng kể giữa quỹ thời gian cố định của sinh viên và rất nhiều hoạt động học tập, chủ yếu được thực hiện trong môi trường lớp học. Điều đó có thể dẫn đến sự thiếu chiều sâu trong hoạt động học tập nói chung và đề án học tập nói riêng. Do sinh viên phải học trung bình khoảng sáu môn học trong một học kỳ với nhiều hoạt động đòi hỏi nhiều thời gian chuẩn bị ngoài giờ học trên lớp (bao gồm cả các đề án học tập) nên câu hỏi: "liệu rằng các đề án học tập có thực sự đạt được chất lượng hiệu quả như kỳ vọng của các nhà phát triển chương trình hay không?" là hoàn toàn đáng đặt ra. Một số nhà nghiên cứu đã tìm hiểu về thách thức giữa thời gian phải bỏ ra để học

theo các đề án học tập và yêu cầu về thời gian dành cho các môn học khác của sinh viên. Theo Ribeiro và Mizukami, các đề án học tập đòi hỏi sự tiêu tốn thời gian đáng kể so với các phương pháp học truyền thống và rất nhiều khi cả sinh viên lẫn giáo viên không thể giải quyết được mâu thuẫn về mặt thời gian này [9], khiến cho những ưu điểm của phương pháp học tập này bị đe dọa không thể phát huy được (thậm chí, các đề án còn trở thành gánh nặng không có mấy tác dụng).

Hiện tượng các sinh viên chưa coi trọng đề án trong môn học là có thể thấy rõ. Một nguyên nhân là do sinh viên chưa thấy được vai trò của đề án học tập đối với việc chiếm lĩnh kiến thức ở cấp độ cao, đóng góp hình thành các kỹ năng cũng như định hình những thái độ phù hợp đối với nghề nghiệp tương lai. Sinh viên chưa thể nhìn ra được vị trí của các đề án học tập trong hệ thống đào tạo khi mà các đề án học tập chỉ là một phần nhỏ trong một đơn vị học tập nhỏ là một môn học trong số 6-7 môn học trong một học kỳ. Các đề án học tập trong chương trình hiện hành đã không phát huy được đúng tác dụng như theo lý thuyết.

Yêu cầu phát triển thái độ - một yêu cầu rất quan trọng của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm - chưa được giải quyết tốt. Trong phát triển chương trình đào tạo, yêu cầu phát triển thái độ của người học là một trong những thách thức lớn đòi hỏi các nhà phát triển chương trình phải tính toán rất kỹ, tìm ra những phương cách khả thi. Như đã đề cập bên trên, theo yêu cầu, sinh viên sư phạm khi ra trường cần phải trở thành các "chuyên gia giáo dục" - họ cần hiểu rõ triết lý giáo dục và những vấn đề thuộc về lí luận, cần ý thức sâu sắc được yêu cầu phát triển nghề nghiệp cũng như nhiều phẩm chất khác dựa trên nền tảng thái độ phù hợp đã được hình thành từ trong quá trình đào tạo ở trường đại học sư phạm.

Việc thực hành nhiều ở trường phổ thông, gắn kết hữu hiệu việc tiếp thụ lý thuyết trong lớp học với quá trình tự đào tạo của sinh viên thông qua các trải nghiệm thực tế gặp nhiều khó khăn. Như đã chỉ ra bên trên: các sinh viên phải học 40-44 môn học với rất nhiều hoạt động học tập được thực hiện trong môi trường

lớp học (đòi hỏi dự lớp trên giảng đường trường đại học). Trong khi đó, đề có thể tăng cường thực hành, thực tập thì lẽ ra sinh viên phải dành được nhiều thời gian ở các trường phổ thông một cách thường xuyên, đều đặn trong suốt thời gian đào tạo chứ không chỉ là ba học phần thực hành sư phạm và hai học phần thực tập sư phạm như hiện tại.

### **Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo đề xuất**

Chương trình đề xuất là chương trình đào tạo dựa trên các đề án học tập quy mô vừa và lớn. Trong chương trình đề xuất, số lượng các môn học được giảm thiểu xuống còn 12-15 môn (chủ yếu là các môn thuộc khối kiến thức đại cương). Phần các môn học còn lại như trong chương trình hiện hành được tổ chức lại thành các đề án học tập quy mô vừa và lớn sao cho vẫn đáp ứng được yêu cầu tích lũy kiến thức, rèn kỹ năng và phát triển thái độ cần thiết cho ngành đào tạo. Các đề án học tập quy mô vừa và lớn là những đề án học tập tích hợp được nội dung kiến thức của nhiều môn học và thường là có thời gian lớn hơn một kì học. Chương trình đề xuất giúp khắc phục được các hạn chế đã chỉ ra bên trên, hướng tới một chương trình hiệu quả để đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh theo định hướng POHE.

Thứ nhất, mô hình tổ chức này hứa hẹn tăng chất lượng học tập. Với chỉ khoảng 2-3 đề án học tập cho một học kì hoặc 4-5 đề án cho một năm thì ít nhất về mặt kĩ thuật sinh viên chỉ phải tham gia 4-6 nhóm trong suốt một năm. Việc này tạo ra sự ổn định về nhóm; sinh viên thuận tiện trong việc sắp xếp lịch cá nhân do giảm được gánh nặng về thời lượng học tập trên lớp trong mô hình truyền thống vốn đòi hỏi nhiều hoạt động giáp mặt như tổ chức nhóm học tập, làm việc chung và điều phối trong nhiều nhóm theo nhiều môn học. Họ sẽ dành được nhiều thời gian đào sâu kiến thức qua việc hoạt động tự học dựa trên tốc độ, phong cách học cá nhân với thời gian biểu đã được cá nhân hóa nhiều hơn. Tri thức nhóm cũng được hệ thống tốt hơn qua quá trình đủ dài như vậy.

Thứ hai, cách tổ chức học tập như vậy đảm bảo tốt hơn cho đặc tính thực hành ứng dụng nghề nghiệp của định hướng POHE. Do đặc thù của ngành sư phạm, phòng thực hành thí nghiệm chính là các trường phổ thông nên "thực hành" nghĩa là sinh viên tham gia các hoạt động tại trường phổ thông. Cách tổ chức học tập với ít thời gian trên giảng đường đại học cho phép sinh viên có thể tham gia hoạt động ở trường phổ thông trong một khoảng thời gian đều đặn và nhiều đáng kể.

Thứ ba, những tiền đề trên tạo thuận lợi để phát triển thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp tương lai cho sinh viên sư phạm. Về mặt chuyên môn dạy học ngoại ngữ, việc thực tiễn quan sát, thực hành giúp chiêm nghiệm, soi chiếu thứ ánh sáng thực tế lên những vấn đề lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ đã được trình bày trong các tài liệu...vv sẽ giúp cho sinh viên sư phạm tiếng Anh có được thái độ phê phán tốt hơn. Về mặt nghiệp vụ sư phạm, việc nhúng mình vào môi trường tiếp xúc với học sinh sẽ nuôi dưỡng cảm xúc, lòng say mê cùng ý thức trau dồi rèn tập để trở thành một người giáo viên giỏi giúp ích cho việc học của học sinh.

Thêm nữa, những tác động về mặt đổi mới phương pháp giảng dạy cũng được tạo điều kiện hình thành. Nhà nghiên cứu giáo dục Lortie đã đưa ra khái niệm "trải nghiệm làm giáo viên từ lúc còn là học sinh [*tác giả dịch*]" (apprenticeship of observation) và chỉ ra rằng hiệu quả của việc đào tạo ban đầu trong các trường sư phạm đối với phương pháp giảng dạy của giáo viên là rất hạn chế [10]. Chính việc quan sát công việc của giáo viên dưới con mắt của giáo sinh (chứ không phải học sinh) mới có tác dụng khiến các giáo viên tương lai ứng dụng các thành tựu đổi mới phương pháp cho quá trình giảng dạy của mình. Ở một khía cạnh khác, chính khoảng thời gian trải nghiệm thực tiễn trường phổ thông dù dài trong khi vẫn còn đang là giáo sinh sẽ giúp họ bắt vào được thực hành nghiên cứu cải tiến (action research) - một hoạt động hiện vẫn còn chưa được triển khai tốt ở các trường phổ thông ngay cả khi các cấp quản lý đã tìm nhiều

cách cổ vũ. Sự tham gia tương đối sâu và nhiệt tình của các giáo sinh trong những hoạt động chuyên môn cũng có thể có những tác động nhất định tới hoạt động sinh hoạt chuyên môn của các giáo viên phổ thông - một hoạt động được nhiều người nhận định là còn bị sao nhãng hoặc nhiều tính hình thức trong thực tiễn ở các trường phổ thông.

Thứ tư, chương trình đề xuất có thể gợi mở một hướng giải quyết yêu cầu phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh đối CNL SDTA tương đương bậc 5 trong KNL SDNN Việt Nam của cử nhân sư phạm tiếng Anh. Yêu cầu về chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh nói trên, trong bối cảnh tuyển sinh những năm gần đây của ngành sư phạm tiếng Anh ở khu vực miền núi phía Bắc không thể chọn được những học sinh giỏi nhất, đòi hỏi những hướng tiếp cận học tập rèn luyện khác với các thực hành vẫn thường được áp dụng trong nhiều năm qua - vốn vẫn được một số người coi là thiếu hiệu quả. Việc cấu trúc các hoạt động nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh theo một đề án quy mô lớn dường như có thể đáp ứng một số đặc điểm yêu cầu của việc học tiếng Anh theo nhóm nhỏ trong một bối cảnh thực tế ở không gian lớn hơn lớp học truyền thống.

### **Những khó khăn, rào cản trong việc thực hiện Chương trình đào tạo đề xuất**

- **Quy chế đào tạo hiện hành:** Với học chế tín chỉ, trong đó quy định về số lượng tín chỉ của chương trình không dưới 120. Một tín chỉ được quy định bằng: 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở, hoặc 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp... thì không dễ để các trường thiết kế một chương trình theo hướng đề xuất. Giải pháp cụ thể cần được các trường tính toán kỹ thêm.

- **Công tác quản lý đào tạo tại các trường đại học:** Công tác quản lý đào tạo trong trường đại học cũng cần thay đổi để tạo thuận lợi cho việc triển khai chương trình đề xuất. Do đặc thù chương trình: sinh viên có độ cơ động cao, việc giảm mục tiêu kiến thức tăng mục tiêu thái độ, cùng việc tăng sự tham gia và tầm ảnh hưởng của công giới vào trong quá

trình đào tạo nên công tác quản lý đào tạo tại trường đại học sẽ phải có sự điều chỉnh lớn.

**- Tính cam kết cao của những người phát triển chương trình:**

Vì ở cấp độ chương trình nên các đề án học tập cần được thiết kế kỹ lưỡng và khéo léo cùng những tài liệu, công cụ hỗ trợ đầy đủ. Việc đó đòi hỏi những người phát triển chương trình nắm rất chắc “tinh túy” của phương pháp dạy học dựa trên đề án cũng như những kết quả đầu ra quan trọng nhất của chương trình đào tạo. Quá trình phát triển chương trình, do vậy, cần được thực hiện với sự đầu tư nhiều thời gian, công sức, chuyên môn từ những người phát triển chương trình. Lưu ý rằng “những người phát triển chương trình” hàm ý chỉ cả các giảng viên - những người sẽ triển khai chương trình, hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề án học tập - chứ không phải chỉ một nhóm nhỏ những người làm việc chuyên biệt với chức năng “thiết kế chương trình”.

**- Chương trình đào tạo 2 giai đoạn và đào tạo giáo viên tại thực địa**

Tháng 2/2017, đại học FPT công bố chương trình đào tạo Kỹ sư thực hành Fast Track SE, chương trình được xem là mới mẻ và khác biệt [12].

Tháng 1/2016, trang web của The Hechinger Report đăng tải bài báo về kế hoạch “đào tạo giáo viên tại thực địa” như một phần của chương trình học trực tuyến mới lấy bằng thạc sĩ tại trường Steinhardt School của Đại học New York [13].

Các ví dụ trên cho thấy khả năng có một chương trình đào tạo định hướng thực hành nghề nghiệp có tính “đột phá”, thách thức mô hình đào tạo 4 năm truyền thống và bó gọn chủ yếu trong khuôn viên trường đại học. Một trong những nguồn tham khảo hữu ích về đào tạo giáo viên tại thực địa (residency programs) là trang web của Trung tâm Quốc gia của các chương trình này ở Hoa Kỳ tại địa chỉ <https://nctresidencies.org/>.

## KẾT LUẬN

Dạy học dựa trên dự án và chương trình đào tạo POHE được áp dụng ở nhiều nơi, nhiều

ngành đào tạo trong những năm gần đây. Những yêu cầu mới đối với đào tạo giáo viên tiếng Anh cũng đặt ra cho các nhà trường sư phạm có đào tạo ngành Cử nhân Sư phạm tiếng Anh nhiều thách thức khó giải quyết. Dựa trên những nghiên cứu đã được công bố và thực tiễn triển khai chuyển đổi chương trình đào tạo tại trường ĐHSP - ĐHTN sang mô thức POHE, bài báo đề xuất một chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh dựa chủ yếu trên những đề án học tập quy mô vừa và lớn như một khả năng có thể giải quyết được những khó khăn thách thức đó.

Từ những phân tích lý thuyết và minh họa qua một số kinh nghiệm thực tế, có thể thấy mô hình này đem đến chất lượng học tập cao hơn, điều kiện thực hành thực tập nghề nghiệp tốt hơn, giải pháp hình thành thái độ của người học hữu hiệu hơn và gợi mở hướng cải tiến nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn.

Một số thay đổi cần được thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển, áp dụng mô hình chương trình đào tạo này. Những thay đổi quan trọng nhất là văn bản quy định chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, năng lực quản lý đào tạo của trường đại học và chuyên môn, kinh nghiệm của những người phát triển chương trình.

Hai ví dụ về phương thức đào tạo kết hợp (blended learning) được tác giả bài báo hi vọng cung cấp một góc nhìn mới về sự chuyển đổi trong cách thức phát triển chương trình đào tạo đáp ứng những yêu cầu mới của thời cuộc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồng Hạnh (2011), ‘Sinh viên thất nghiệp do thiếu định hướng nghề’, *Báo điện tử Dân Trí*, truy cập ngày 31 tháng 7 năm 2017, <đường dẫn rút gọn: [goo.gl/yKA8sT](http://goo.gl/yKA8sT)>.
2. Âu Tâm, Đoàn Trúc, Trà My (2006), ‘Cử nhân ngoại ngữ: “Cảm” 50%, “điếc” 40%?’, *Báo điện tử Vietnamnet*, đăng lại trên báo điện tử Dantri, truy cập ngày 31 tháng 7 năm 2017, <đường dẫn rút gọn: [goo.gl/qj7wTR](http://goo.gl/qj7wTR)>.
3. Yên Anh (2016), ‘Hiếm giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn’, *Báo điện tử Người Lao Động*, truy cập ngày 31 tháng 7 năm 2017, <đường dẫn rút gọn: [goo.gl/H2xr9j](http://goo.gl/H2xr9j)>.

4. Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*.
5. BCH TƯ Đảng CSVN (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Hướng dẫn xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp (POHE)*, Hà Nội. Tài về tại <http://pohevn.grou.ps/home>
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên (Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo)*, Tài về tại <http://taphuan.hnue.edu.vn/>
8. Đảng ủy Đại học Thái Nguyên (2013), *Văn bản số 38/BC/ĐU*.
9. Ribeiro, L. R. C., Mizukami, M. G. (2005), "An experiment with PBI. in higher education as

appraised by the teacher and students", *Interface-Comunic., Saúde, Educ.*, 9(17), pp. 357-368. Tài về tại <https://goo.gl/MiotLV>.

10. Lortie, D (1975), *Schoolteacher: A sociological study*, Chicago: University of Chicago.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quyết định số 36/2004/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2004 về việc ban hành bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành ngoại ngữ trình độ đại học*.
12. FPT Corp. (2017), *FAST TRACK SE - Kỹ Sư Thực Hành Phần Mềm FPT*, Website chương trình Fasttrack, truy cập ngày 31 tháng 7 năm 2017, <<http://www.fasttrack.edu.vn/gioi-thieu/>>.
13. Nichole Dobo (2016), *An experiment in teacher training: More in-person fieldwork, but more online professional development*, Website Tổ chức The Hechinger Report, truy cập ngày 31 tháng 7 năm 2017, <[đường dẫn rút gọn: goo.gl/HNYQj6](http://www.hechingerreport.org/2016/07/31/an-experiment-in-teacher-training/)>

## SUMMARY

### TOWARD A PROJECT BASED LEARNING CURRICULUM FOR TEFL B.A PROGRAM WITHIN PROFESSION ORIENTED HIGHER EDUCATION

Phan Thanh Hải\*

University of Education – TNU

A Profession Oriented Higher Education (POHE) curriculum features experiential learning and learning by doing, and profession practicum. Projects in a training program curriculum put students in profession situations, through which they acquire knowledge, improve skills and shape proper professional attitudes. A project-based POHE curriculum with big and medium size projects accounting for larger percentage of training time is more effective for a TEFL B.A program. A typical Vietnamese university, however, needs some changes to become supportive to the implementation of such a curriculum. The article attempts theoretical reasoning, supported by a number of practices at Thai Nguyen University of Education, to provide a perspective as well as some provisional suggestions on the possibility of developing and implementing this type of curriculum.

**Keywords:** POHE; Project-based; Curriculum; TEFL B.A, Vietnam.

Ngày nhận bài: 15/10/2017; Ngày phân biện: 10/11/2017; Ngày duyệt đăng: 13/12/2017

\* Tel: 0904977678; Email: haiknn@gmail.com